

Bản án số: 22/2021/HS-ST
Ngày 28/5/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Hồng Tuấn**

Các hội thẩm nhân dân: Bà V- ơng Thị Thu và bà Phạm Thị Bích H- ơng

- Th- ký phiên tòa: Bà Vi Thị Năm - Th- ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Ông L- u Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 17/2021/TLST-HS, ngày 22 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo;

Họ và tên: **Vũ Thị L** - Sinh ngày 02 tháng 9 năm 1967 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ

Tên gọi khác: Không

Nơi c- trú: Khu 4, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Nghề nghiệp: Lao động tự do . Trình độ học vấn: Lớp 7/10

Dân tộc; Kinh. Giới tính; Nữ. Tôn giáo; Không. Quốc tịch; Việt Nam

Con ông Vũ Văn L và bà Vũ Thị H (đều đã chết)

Có chồng là Nguyễn Văn Th. Có 02 con; lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh 1988

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo không bị tam giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi c- trú từ ngày 03/02/2021 đến ngày 03/4/2021. Hiện bị cáo đang tại ngoại (*có mặt*).

*** Ng- ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông **Nguyễn văn Ch**: Sinh năm 1957

Nơi c- trú: Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh H- ng Yên

Hiện ở tại: Khu 4, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án đ- ợc tóm tắt nh- sau:

Vào hồi 17 giờ 50 phút, ngày 14/01/2021, Công an huyện Thanh Ba phối hợp với chính quyền địa phương kiểm tra nhà ở của Vũ Thị L, thuộc khu 4, xã H huyện T, tỉnh Phú Thọ phát hiện Vũ Thị L đang có hành vi tổng hợp số lô, số đề của khách để chuyển cho chủ đề. Tại nơi kiểm tra, Công an huyện Thanh Ba đã thu giữ của L các đồ vật, tài sản gồm: 01 tờ giấy vở kẻ ngang, hình chữ nhật trong đó một mặt có ghi các chữ số, ký hiệu bằng mực màu xanh, phía trên cùng có ghi “14/1-2021”, phía dưới cùng bên phải có ghi “L34-5đ”; 01 mảnh giấy lịch hình chữ nhật, mặt màu trắng có ghi các số, ký hiệu bằng mực màu xanh, góc dưới cùng bên phải có ghi “34-5đ”; 01 mảnh giấy hình chữ nhật, một mặt có ghi các chữ, số, ký hiệu bằng mực màu đen, phía dưới cùng có ghi “cặp 22-32N”; 01 chiếc bút bi màu xanh, mực màu xanh, nhãn hiệu “TL-023”; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 220, gắn sim số 0969084135; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A1K, gắn sim số 0966519535 và số tiền 90.000.đ. Cơ quan Công an đã lập biên bản vi phạm hành chính, thu giữ vật chứng có liên quan theo quy định.

Kết quả điều tra xác định hành vi bán số lô, số đề của Vũ Thị L trong các ngày 13 và ngày 14/01/2021 như sau:

Ngày 13/01/2021, Vũ Thị L đã bán số lô, số đề cho các đối tượng gồm: Bán cho Nguyễn Văn Ch số lô, số đề với số tiền là 460.000.đ; bán cho Lê Văn H với số tiền là 120.000.đ. (Ch và H đều đã trả tiền cho L). Sau khi có kết quả mở thưởng, Chúc và H đều không trúng thưởng. Như vậy, tổng số tiền L bán số lô, số đề ngày 13/01/2021 là 580.000.đ.

Ngày 14/01/2021, Vũ Thị L đã bán số lô, số đề cho các đối tượng gồm:

- Bán số lô cho Nguyễn Văn Ch, trú tại thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên gồm các số lô 12, 21, 26, 62 mỗi số lô 25 điểm, tổng là 100 điểm lô hết 2.300.000.đ, (Chúc khai mua hộ Lê Văn D đã trả tiền cho L), sau đó Ch tiếp tục mua nợ của L các số lô 01, 10, 15, 51, 12, 21, 56, 65, 20, 23, mỗi số lô 10 điểm, tổng là 100 điểm lô hết số tiền là 2.300.000.đ (vẫn chưa trả tiền cho L);

- Bán cho Nguyễn Thị T, trú tại khu 4, xã H, huyện T các số lô 38, 83, mỗi số 05 điểm, tổng là 10 điểm lô với tổng số tiền là 230.000.đ (T đã trả tiền cho L);

- Bán cho Lê Văn H, trú tại khu 4, xã H, huyện T các số đề gồm: Số 45 với số tiền là 15.000.đ; các số 16, 61, 46, 64, 66, 68, 99, 54 mỗi số 10.000.đ; các số 59, 95, 36, 63, 68, 86, 24, 42, 47, 74, 49, 94, 23, 32, 37, 73, 27, 72, 77 mỗi số 5.000.đ; cặp số đề 04, 18 mỗi cặp 56.000.đ; cặp số đề 22 với số tiền 32.000.đ, tổng số tiền bán số đề cho H là 334.000.đ (hảo đã trả tiền cho L);

- Bán các số lô, số đề cho các đối tượng lạ mặt không biết tên, địa chỉ với tổng số tiền là 5.537.000.đ (đều đã trả tiền cho L).

Tổng số tiền Vũ Thị L đã bán số lô, số đề ngày 14/01/2021 cho đến khi bị phát hiện là 10.701.000.đ. Ngoài ra, trong khi tổng hợp bảng số lô, số đề L còn tự tổng hợp thêm một ít số lô, số đề cho mình với số tiền là 513.000.đ.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị T, Lê Văn H và Lê Văn D đều khai nhận hành vi đã mua số lô, số đề của Vũ Thị L như đã nêu trên. Đối với Đặng

Thị H không thừa nhận việc thỏa thuận để L làm thư ký đề và cũng không nhận bằng số lô, số đề của L, các tài liệu chứng cứ thu thập cũng không chứng minh Đặng Thị H có nhận bằng số lô, số đề của L.

Trong quá trình điều tra, Vũ Thị L tự nguyện giao nộp số tiền 2.864.000.đ, Nguyễn Văn Ch tự nguyện giao nộp số tiền 2.300.000.đ đã sử dụng vào việc mua bán các số lô, số đề.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT - VKS.TB ngày 22/4/2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba truy tố bị cáo Vũ Thị L về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã trình bày luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố nh- nội dung bản Cáo trạng và đề nghị với Hội đồng xét xử nh- sau;

+ □p dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Phạt Vũ Thị L từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Không phạt bổ sung bị cáo;

+ Đề nghị tịch thu toàn bộ số tiền đã sử dụng vào việc đánh bạc để sung quỹ Nhà n- ớc và trả lại tài sản không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Sau khi nghe Kiểm sát viên trình bày luận tội, bị cáo Vũ Thị L hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo không tự bào chữa, không có tranh luận mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử cho đ- ợc hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nh- sau:

[1]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thị L đã thừa nhận hành vi bán trái phép số lô, số đề của mình, các tài liệu chứng cứ của vụ án cũng đủ cơ sở để xác định: Do háms lợi nên bị cáo Vũ Thị L đã bán trái phép các số lô, số đề cho các đối t- ợng đến mua tại nhà ở của mình thuộc khu 4, xã H, huyện T, cụ thể:

Ngày 13/01/2021, Vũ Thị L đã trực tiếp bán số lô, số đề cho Nguyễn Văn Ch với số tiền 460.000.đ và bán cho Lê Văn H số tiền 120.000.đ (đều đã trả tiền cho bị cáo). Sau khi có kết quả mở th- ờng, cả Ch và H đều không trúng th- ờng. Nh- vậy, tổng số tiền L bán số lô, số đề ngày 13/01/2021 là 580.000.đ;

- Ngày 14/01/2021, Vũ Thị L tiếp tục bán số lô cho Nguyễn Văn Ch số tiền 4.600.000.đ (trong đó Ch mua hộ Lê Văn D 2.300.000.đ đã trả tiền, Ch còn nợ lại L 2.300.000.đ); bán số lô cho Nguyễn Thị T với số tiền 230.000.đ; bán số đề cho Lê Văn H với số tiền 334.000.đ và bán các số lô, số đề cho các đối t- ợng không quen biết đ- ợc tổng số tiền 5.537.000.đ (T, H và các đối t- ợng khác đều đã thanh toán đủ tiền cho L). Khi đang tổng hợp bảng ghi số lô số đề trong ngày thì bị cơ quan Công an phát hiện, lập biên bản vi phạm tr- ớc khi có kết quả mở th- ờng. Nh- vậy, tổng số tiền bị cáo Vũ Thị L bán số lô, số đề ngày 14/01/2021 xác định là 10.701.000.đ.

Ngoài lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, thì hành vi phạm tội của bị cáo còn đ- ợc chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ khác gồm: Biên bản sự việc ngày 14/01/2021; vật chứng thu giữ tại nhà của bị cáo là tiền; bút, giấy ghi các số lô, số

đề...; lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của ng-ời có liên quan (là các đối t-ợng đã mua số lô, số đề của bị cáo), lời khai của ng-ời làm chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Các tài liệu chứng cứ, vật chứng đều hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với các tình tiết sự kiện khác của vụ án và điều đ-ợc thu thập, kiểm tra đánh giá đầy đủ, toàn diện khách quan theo đúng quy định của pháp luật. Nh- vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Hành vi bán trái phép các số lô, số đề ngày 14/01/2021 với số tiền 10.701.000.đ của Vũ Thị L đã cấu thành tội “Đánh bạc”. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng pháp luật.

Điều luật quy định: “1. Ng-ời nào đánh bạc trái phép d-ới bất kỳ hình thức nào đ-ợc thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến d-ới 50.000.000 đồng hoặc d-ới 5.000.000 đồng nh- ng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, ch-a đ-ợc xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[2]. Mặc dù tội phạm mà bị cáo đã thực hiện thuộc tr-ờng hợp ít nghiêm trọng, nh- ng hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng, gây mất an ninh trật tự xã hội. Bị cáo hoàn toàn nhận thức đ-ợc cờ bạc là tệ nạn xã hội cần phải bị xoá bỏ, cờ bạc cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác, mọi hành vi đánh bạc trái phép d-ới bất kỳ hình thức nào đều là trái pháp luật và bị nghiêm cấm, nh- ng chỉ vì ham lợi bất chính nên đã cố ý phạm tội vì vậy cần phải áp dụng hình phạt t-ợng xứng để giáo dục bị cáo.

[3]. Xét về nhân thân cũng nh- các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tr-ớc khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, đây là lần đầu phạm tội và thuộc tr-ờng hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn và thực sự hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có bố đẻ là ng-ời có công đ-ợc Nhà n-ớc tặng th-ởng Huân ch-ơng và Bằng khen kháng chiến, đây là những tình tiết để Hội đồng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Đối với hành vi bán trái phép số lô, số đề ngày 13/01/2021 với số tiền 580.000.đ, mặc dù không đủ cấu thành tội “Đánh bạc” và không phải chịu tình tiết tăng nặng là “*phạm tội 02 lần trở lên*” nh- ng cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo nh- đã nêu trên, Hội đồng xét xử đã cân nhắc và xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có nơi c- trú ổn định rõ ràng, có khả năng tự cải tạo mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh h-ởng xấu đến an ninh trật tự tại địa ph-ơng. Vì vậy, để thực hiện chính sách nhân đạo của pháp luật nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để bị cáo đ-ợc tự lao động cải tạo ngoài xã hội d-ới sự quản lý giám sát của chính quyền địa ph-ơng và gia

đình cũng đủ tác dụng răn đe, giúp bị cáo tự sửa chữa lỗi lầm của mình để trở thành một công dân tốt.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 và khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt một khoản tiền hoặc bị khấu trừ thu nhập để sung quỹ Nhà n-ớc nh-ng xét bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp nên không áp dụng nh-ng phải buộc bị cáo thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự.

[5]. Đối với các đối t-ợng: Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị T, Lê Văn H và Lê Văn D đã có hành vi đánh bạc d-ới hình thức mua số lô, số đề của Vũ Thị L nh-ng số tiền đánh bạc d-ới 5.000.000.đ, nhân thân không có tiền án, tiền sự về tội “Đánh bạc” hoặc tội “Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc” nên Công an huyện Thanh Ba đã xử phạt hành chính là đúng quy định của pháp luật vì vậy không xem xét xử lý trong vụ án này;

Về lời khai của Vũ Thị L khai sau khi bán các số lô, số đề thì tổng hợp và chuyển bảng số lô, số đề cho Đặng Thị H để h-ớng hoa hồng nh-ng kết quả điều tra không có chứng cứ để chứng minh Đặng Thị H có nhận bảng số lô, số đề của bị cáo vì vậy không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

[6]. Về các tài sản, đồ vật hiện đang tạm giữ đ-ợc xử lý nh- sau:

- 01 chiếc bút bi màu xanh thu giữ thu giữ của bị cáo đã sử dụng để ghi số lô, số đề, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với số tiền 2.300.000.đ mà Nguyễn Văn Ch giao nộp là tiền đã sử dụng vào việc đánh bạc nên phải tịch thu nộp ngân sách Nhà n-ớc;

- Đối với số tiền 2.954.000.đ (trong đó có 90.000.đ thu khi phát hiện lập biên bản sự việc quả tang và 2.864.000.đ do L tự giao nộp) là tiền do bán số lô, số đề mà có nên phải tịch thu nộp ngân sách Nhà n-ớc;

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 220 và 01 chiếc điện thoại OPPO A1K tạm giữ của Vũ Thị L, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo nh-ng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án;

- Đối với 01 tờ giấy vở kẻ ngang hình chữ nhật, một mặt có ghi các chữ số, ký hiệu bằng mực màu xanh phía d-ới cùng bên phải có ghi “L34-5đ”; 01 mảnh giấy lịch hình chữ nhật, mặt màu trắng có ghi các số, ký hiệu bằng mực màu xanh, góc d-ới cùng bên phải có ghi “34-5đ”; 01 mảnh giấy hình chữ nhật, một mặt có ghi các chữ, số, ký hiệu bằng mực màu đen, phía d-ới cùng có ghi “cặp 22-32N” hiện đang l- u trong hồ sơ vụ án, đây là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, do vậy tịch thu để tiếp tục l- u hồ sơ vụ án;

- Tổng số tiền mà bị cáo Vũ Thị L đã bán số lô, số đề trong 02 ngày là 11.281.000.đ, số tiền thực tế bị cáo đã nhận của các đối t-ợng mua số đề là 8.981.000.đ, đã thu đ-ợc của bị cáo số tiền 2.954.000.đ nh- đã nêu ở trên. Số tiền còn lại là 6.027.000.đ phải tiếp tục tịch thu của bị cáo để nộp ngân sách Nhà n-ớc.

[7]. Về án phí: Bị cáo Vũ Thị L phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã trình bày luận tội đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo nh- Cáo trạng đã truy tố, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo, đề xuất về xử lý vật chứng. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với pháp luật nên đ- ợc Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Căn cứ vào diễn biến và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận: Trong quá trình điều tra, truy tố, các quyết định và hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; của Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra đều phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án, phù hợp với diễn biến tại phiên tòa và có đủ cơ sở để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Phạt **Vũ Thị L 12** (m- ời hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Đánh bạc*”. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan, tổ chức đ- ợc giao giám sát giáo dục ng- ời bị kết án nhận đ- ợc Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Vũ Thị L cho □y ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ và buộc bị cáo Vũ Thị L phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Gia đình bị cáo Vũ Thị L có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa ph- ơng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Tr- ờng hợp ng- ời đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi c- trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu của bị cáo Vũ Thị L 01 chiếc bút bi màu xanh, mực màu xanh nhãn hiệu “TL-023” (thu giữ tại nhà của Vũ Thị L) để tiêu hủy;

+ Tịch thu của bị cáo Vũ Thị L số tiền 2.954.000.đ (hai triệu chín trăm năm m- ời t- nghìn đồng) là tiền do phạm tội mà có để nộp ngân sách Nhà n- ớc;

+ Tịch thu của Nguyễn Văn Ch số tiền 2.300.000.đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng) là tiền sử dụng vào việc đánh bạc để nộp ngân sách Nhà n- ớc;

+ Trả lại cho bị cáo Vũ Thị L 02 chiếc điện thoại di động gồm: 01 chiếc nhãn hiệu Nokia 220, màu đen, số Seri 1; 357784066385285, số Seri 2; 357784066385293 (đã cũ), có gắn sim số 0969084135 và 01 chiếc nhãn hiệu OPPO A1K màu đỏ, số Imei; 863539047793230, số Imei 2; 863539047793222 (đã cũ), gắn sim số 0966519535 nh- ng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án;

(Toàn bộ số tiền cùng những đồ vật, tài sản trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba và có đặc điểm nh- trong biên bản giao nhận

vật chứng ngày 19/5/2021 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Ba với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba có l- u trong hồ sơ vụ án).

+ Tịch thu 01 tờ giấy vở kẻ ngang hình chữ nhật, một mặt có ghi các chữ số, ký hiệu bằng mực màu xanh, phía trên cùng có ghi “14/1-2021”, phía dưới cùng bên phải có ghi “L34-5đ”; 01 mảnh giấy lịch hình chữ nhật, mặt màu trắng có ghi các số, ký hiệu bằng mực màu xanh, góc dưới cùng bên phải có ghi “34-5đ”; 01 mảnh giấy hình chữ nhật, một mặt có ghi các chữ, số, ký hiệu bằng mực màu đen, phía dưới cùng có ghi “cặp 22-32N” đang l- u trong hồ sơ vụ án để tiếp tục l- u hồ sơ vụ án;

+ Tịch thu của bị cáo Vũ Thị L tổng số tiền **6.027.000.đ** (sáu triệu không trăm hai m- ươi bảy nghìn đồng) để nộp vào ngân sách Nhà n- ớc.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12//2016 của □y ban Th- ờng vụ Quốc hội khóa 14: Bị cáo Vũ Thị L phải nộp **200.000.đ** (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt đ- ọc quyền kháng cáo bản án trong thời hạn m- ươi lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ng- ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đ- ọc quyền kháng cáo trong thời hạn m- ươi lăm ngày, kể từ ngày nhận đ- ọc bản án hoặc bản án đ- ọc niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Thi hành án hình sự, dân sự;
- UBND xã H, h. T;
- Sở t- pháp tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo, ng- ời liên quan;
- L- u hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Tuấn

